TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 16-5-2023.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Võ Tùng Chinh**.
+ Ông **Đoàn Văn Vui**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Quỳnh Như** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Chấm** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Khánh T** - Sinh năm: 1979, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Lại Thị Thu T** - Sinh năm: 1980; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Khánh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lại Thị Thu Tcó tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G (nay là huyện C), tỉnh Bến Tre vào ngày 17/01/2002 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Anh T cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống nên cự cãi rất nhiều lần và do chị Tcó quen biết với người đàn ông khác nên anh yêu cầu ly hôn với chị T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có hai người con chung là: Nguyễn Khánh TH - Sinh ngày 08/11/2003 và Nguyễn Thị Như H - Sinh ngày 10/4/2007. Nguyễn Khánh TH đã thành niên, có khả năng lao động nên anh T không có yêu cầu gì liên quan đến người con này, riêng Nguyễn Thị Như H có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ nên anh T để chị T nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T trình bày là không có.

Bị đơn là chị Lại Thị Thu T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa:

Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Anh yêu cầu ly hôn với chị T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, do người con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Như H - Sinh ngày 10/4/2007 có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ (chị T) nên anh đồng ý để chị T nuôi người con chung là Nguyễn Thị Như H, anh không cấp dưỡng nuôi con, riêng người con lớn là Nguyễn Khánh TH - Sinh ngày 08/11/2003 đã thành niên, có khả năng lao động nên anh T không có yêu cầu gì liên quan đến người con này, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nợ.

Chị T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ

Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

(1) Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Khánh T được ly hôn với chị Lại Thị Thu T.

(2) Về con chung: Giao cho chị Lại Thị Thu T được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung chưa thành niên giữa chị với anh Nguyễn Khánh T là: Nguyễn Thị Như H - Sinh ngày 10/4/2007 (hiện đang sống chung với chị T), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Riêng người con lớn là Nguyễn Khánh TH - Sinh ngày 08/11/2003 đã thành niên, có khả năng lao động không ai có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

(3) Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với chị T có địa chỉ tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị T vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 16/11/2022, ngày 16/11/2022 anh T có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Anh T và chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành Bình việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Anh T yêu cầu ly hôn nhưng chị T không có mặt theo thông báo của Tòa án, không gửi cho Tòa án văn bản trình ý kiến theo thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Tuy anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh chị T có mối quan hệ không đúng chuẩn mực với người đàn ông khác, nhưng giữa anh chị là không còn có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống, chị T không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ, trong khi đó anh T kiên quyết ly hôn với chị T; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T với

chị T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh T về việc ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh T và chị Tcó hai người con chung là: Nguyễn Khánh TH - Sinh ngày 08/11/2003 và Nguyễn Thị Như H - Sinh ngày 10/4/2007. Nguyễn Khánh TH đã thành niên, có khả năng lao động, không ai có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết. Riêng Như H có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ là chị T, tuy chị T không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con, nhưng người con này (Như H) hiện đang sống chung với chị T, anh T cũng đồng ý để chị T nuôi con nên giao cho chị T được quyền nuôi Nguyễn Thị Như H là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ; chị T vắng mặt và không có văn bản yêu cầu gì về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên anh T phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Khánh T, cụ thể:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Khánh T được ly hôn với chị Lại Thị Thu T.

2/ Về con chung:

Chị Lại Thị Thu T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung chưa thành niên giữa chị với anh Nguyễn Khánh T là: Nguyễn Thị Như H - Sinh ngày 10/4/2007 (hiện đang sống chung với chị T) cho đến khi người con đủ mười tám tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Khánh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T

Vì lợi ích của con chung, anh T, chị T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Riêng người con lớn giữa anh T với chị T là Nguyễn Khánh TH - Sinh ngày 08/11/2003 đã thành niên, có khả năng lao động, không ai có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Khánh T phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000533 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; riêng chị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thành Bình;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên